

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH L **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 29/01/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán:

Bà Sơn Nữ Phà Ca

Ông Vương Minh Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/TLPT – HNGĐ ngày 19/12/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 80/2025/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1986; Địa chỉ: ấp P, xã H, tỉnh Vĩnh L: có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Văn H - Văn phòng Luật sư Phạm Văn H, Đoàn Luật sư tỉnh V: có mặt

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Tấn P, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L: vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thanh K, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L: có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Minh Hoan H- Văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh V: có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lữ Thị L, sinh năm: 1957: vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn L, sinh năm: 1985.

3.2. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm: 1970: vắng mặt;

3.3. Anh Huỳnh Tấn L, sinh năm: 1985: có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L.

3.4. Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh L, chức vụ: Giám đốc phòng

G: vắng mặt

4. Người kháng cáo: **Bị đơn Huỳnh Tấn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lữ Thị L.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh P hình thành do quen biết, được sự chấp thuận của cha mẹ hai bên, chung sống với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 29/05/2007. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Tấn P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Tố N, sinh ngày 28/01/2008. Khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu Huỳnh Tố N và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng gồm có :

+ Thừa đất số 260, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.526,6m², và thửa đất số 289, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.105,3m², cùng loại đất chuyên trồng lúa nước, do anh Huỳnh Tấn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh L (nay là ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L).

Chị H thống nhất giá đất theo biên bản định giá tài sản ngày 09/4/2025 mà Hội đồng định giá xác định là đất lúa giá 100.000đ/m². Khi ly hôn, chị H đồng ý giao phần đất thửa 289 và thửa 260 cho anh P quản lý sử dụng và yêu cầu anh P thanh toán ½ giá trị đất của 02 thửa đất nêu trên cho chị H số tiền 131.595.000đồng.

+ Một chiếc xe mô tô biển số 64D1-710.83 mua vào năm 2022, do anh P đứng tên chủ sở hữu, chị H thống nhất giá trị sử dụng còn lại của chiếc xe là 70.800.000đồng. Khi ly hôn chị H đồng ý giao chiếc xe mô tô biển số 64D1-710.83 cho anh P quản lý sử dụng, chị H yêu cầu anh P thanh toán lại ½ giá trị

chiếc xe là 35.400.000đồng.

+ Nhà ở và công trình vật kiến trúc theo biên bản định giá tài sản ngày 09/4/2025 mà Hội đồng định giá đã xác định là 380.485.000đồng, xây dựng trên phần đất thửa 261, tờ bản đồ số 6, diện tích chung là 1.246,9m² (trong đó đất ở 300,0m², đất trồng cây lâu năm 946,9m²), tọa lạc tại xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh L do bà Lữ Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ly hôn chị H đồng ý giao nhà ở, công trình vật kiến trúc nằm trên phần đất thửa 261 cho anh P quản lý sử dụng, chị H yêu cầu anh P thanh toán lại ½ giá trị căn nhà cho chị H với số tiền 190.242.000đồng.

Về phần đất thửa 261 thì chị H không tranh chấp, đồng ý giao lại cho bà Lữ Thị L quản lý, sử dụng.

+ Chị H rút lại yêu cầu chia phần đất thửa 42, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.351,7m², đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh L do ông Huỳnh Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì giữa chị H và anh P, ông L đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Năm 2022, chị H và anh P có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng N1, chi nhánh V1, phòng G1 (nay là phòng G) số tiền 180.000.000đồng, số tiền này chị H đã rút và sử dụng hết để lo chi phí ăn, học cho cháu N và lo chi phí trồng cam, chi tiêu trong gia đình, anh P cũng biết. Nay anh P yêu cầu chia đôi số tiền nêu trên thì chị H không đồng ý.

- Về các khoản nợ chung của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn khởi kiện phản tố và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Tấn P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh P thống nhất theo lời trình bày của chị H về mối quan hệ hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh P đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

- Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Tổ N, sinh ngày 28/01/2008. Khi ly hôn, anh P đồng ý giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng gồm có :

+ Một chiếc xe mô tô biển số 64D1-710.83 mua vào năm 2022, anh P thống nhất giá trị 70.800.000đồng, khi ly hôn anh P đồng ý nhận chiếc xe mô tô biển số 64D1-710.83 và đồng ý thanh toán cho chị H ½ giá trị chiếc xe là 35.400.000đồng.

+ Nhà ở và công trình vật kiến trúc theo biên bản định giá tài sản ngày 09/4/2025 mà Hội đồng định giá đã xác định là 380.485.000đồng, xây dựng trên phần đất thửa 261, tờ bản đồ số 6, diện tích chung là 1.246,9m², tọa lạc tại xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh L do bà Lữ Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi ly hôn, anh P yêu cầu giao căn nhà cho chị H quản lý sử dụng và chị H phải thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho anh P.

Về phần đất thửa 261 thì anh P không tranh chấp, đồng ý giao trả lại cho bà Lữ Thị L quản lý, sử dụng. Bà L có ý kiến đồng ý giao lại phần đất gắn liền tài sản trên đất gồm nhà ở và công trình vật kiến trúc trên thửa đất 261 cho người nào quản lý, sử dụng thì có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà L số tiền 200.000.000 đồng, anh P thống nhất theo ý kiến bà L.

+ Anh P rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Huỳnh Văn L tại phần đất thửa 42, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.351,7m², đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh L do ông Huỳnh Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì giữa anh và chị H, ông L đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Vào năm 2022, anh và chị H có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng N1, chi nhánh V1, phòng G1 (nay là phòng G), số tiền gửi 180.000.000 đồng, hiện số tiền này do chị H đang quản lý. Nay anh P yêu cầu chia đôi số tiền này, đồng ý chia cho chị H nhận số tiền 90.000.000 đồng và yêu cầu chị H giao lại cho anh P số tiền 90.000.000 đồng do chị H đang quản lý.

+ Đối với phần đất thửa 260, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.526,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước và thửa đất số 289, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.105,3m², loại đất chuyên trồng lúa nước do anh Huỳnh Tấn P đứng tên quyền sử dụng đất, thì nguồn gốc thửa đất 260 và thửa 289 của cha, mẹ cho riêng anh. Anh P không đồng ý chia theo yêu cầu của chị H vì đây là tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân.

- Về các khoản nợ chung của vợ chồng: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong đơn khởi kiện độc lập và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Thị L trình bày:

Bà Lữ Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.246,9m² (trong đó đất ở 300,0m², đất trồng cây lâu năm 946,9m²), tại thửa 261, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh L. Khoảng năm 2013, bà L cho anh P, chị H cất nhà cấp 4 ở nhờ trên phần đất này đến khoảng năm 2016 thì cho anh P xây nhà tường cấp 4, mái lợp tol, lát gạch men. Anh P và chị H ly hôn thì bà L yêu cầu anh P, chị H phải trả lại cho bà L phần đất 1.246,9m², tại thửa 261, tờ bản đồ số 6.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L trình bày:

Phần đất thửa 42, diện tích 1.351,7m², đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh L do ông Huỳnh Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện giữa ông L và chị H, anh P đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết xong, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L không

có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N1 do ông Trần Thanh L3 đại diện trình bày:

Phần đất thửa 42, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.351,7m², đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh L do ông Huỳnh Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có vay thuê chấp tại Ngân hàng N1, phòng G1 (nay là phòng G).

Anh P và chị H tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất thửa 42, diện tích 1.351,7m² do ông L đứng tên quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, không tranh chấp nên Ngân hàng không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2025/ DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh L đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn với anh Huỳnh Tấn P.

2. Về con chung: Giao con chung Huỳnh Tố N, sinh ngày 28/01/2008 cho chị Nguyễn Thị Thúy H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Huỳnh Tấn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung của vợ chồng:

3.1 Giao cho anh Huỳnh Tấn P được quyền quản lý, sử dụng 01 chiếc xe mô tô biển số 64D1-710.83 do anh Huỳnh Tấn P đứng tên chủ sở hữu. Buộc anh Huỳnh Tấn P thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 35.400.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).

3.2 Giao cho anh Huỳnh Tấn P được quyền quản lý, sử dụng nhà ở, công trình vật kiến trúc nằm trên phần đất diện tích 300m² (trong đó có 100m² đất ở và 200m² đất trồng cây lâu năm), thuộc chiết thửa 261, tờ bản đồ số 6, nằm trong diện tích chung 1.246,9m², tọa lạc tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L do bà Lữ Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc anh Huỳnh Tấn P thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 190.242.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Chấp nhận yêu cầu của bà Lữ Thị L. Buộc bà Lữ Thị L chuyển nhượng phần đất diện tích 300m² (trong đó có 100m² đất ở và 200m² đất trồng cây lâu năm) gắn liền nhà ở và công trình vật kiến trúc thuộc chiết thửa 261, tờ bản đồ số 6,

nằm trong diện tích chung 1.246,9m², tọa lạc tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L cho anh Huỳnh Tấn P.

Anh Huỳnh Tấn P có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Buộc anh Huỳnh Tấn P có nghĩa vụ trả cho bà Lữ Thị L giá trị đất số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng).

3.3 Giao cho anh Huỳnh Tấn P quản lý, sử dụng phần đất thửa 289, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.105,3m², loại đất chuyên trồng lúa nước, do anh Huỳnh Tấn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L. Anh Huỳnh Tấn P được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ cây trồng trên đất.

Buộc anh Huỳnh Tấn P có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 55.265.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

3.4 Bác yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H về việc yêu cầu chia phần đất thửa đất số 260, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.526,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước do anh Huỳnh Tấn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V)

3.5 Bác yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tấn P về việc yêu cầu chia tài sản chung là số tiền gửi tiết kiệm 180.000.000đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

3.6 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Huỳnh Tấn P đối với phần đất thửa 42, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.351,7m², đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L do ông Huỳnh Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Về nợ chung của vợ chồng: chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Huỳnh Tấn P thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 9 năm 2025, bị đơn Huỳnh Tấn P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lữ Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm như sau:

1. Anh Huỳnh Tấn P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng công nhận thửa đất 289 là tài sản riêng của anh P; chia hai số tiền gửi tiết kiệm 180.000.000 đồng; định giá lại căn nhà của anh P và chị H xây dựng năm 2016; miễn giảm tiền án phí sơ thẩm do anh P bị bệnh hạn chế năng lực hành vi dân sự.

2. Bà Lữ Thị L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu

khởi kiện. Không đồng ý yêu cầu kháng cáo. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Anh P kháng cáo yêu cầu công nhận thửa số 289, diện tích 1.105,3m², loại đất chuyên trồng lúa nước là tài sản riêng của anh P do được tặng cho riêng. Yêu cầu chị H trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền 180.000.000 đồng là tiền tiết kiệm của vợ chồng do chị H tự ý rút sử dụng. Yêu cầu định giá lại căn nhà vì theo định giá có giá trị cao. Rút lại yêu cầu kháng cáo xin miễn, giảm án phí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lữ Thị L do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không buộc bà L phải chuyển nhượng đất. Bà L đồng ý để căn nhà của anh P và chị H tồn tại trên đất và đồng ý để anh P sở hữu nhà, quyền sử dụng đất gắn liền nhà để bà L và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất:

Bị đơn, anh P rút một phần yêu cầu kháng cáo về giá trị căn nhà và yêu cầu xin miễn giảm án phí. Các đương sự đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá theo bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi yêu cầu kháng cáo. Đồng ý để tồn tại căn nhà cho anh P quản lý sử dụng, bà L và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về đất gắn liền căn nhà giao cho anh P.

Vấn đề không thống nhất: Anh P không đồng ý chia tài sản chung bằng giá trị đất thửa 289 và yêu cầu chị H trả lại 90.000.000 đồng là phân nửa số tiền 180.000.000 đồng là tiền tiết kiệm của vợ chồng do chị H đã rút ra sử dụng sau khi nộp đơn ly hôn nhưng chị H không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đề nghị chấp nhận yêu cầu của đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Thửa đất số 289 là tài sản riêng của anh P nhưng chị H có công sức đóng góp nên buộc anh P trả giá trị công sức đóng góp cho chị H bằng 20% giá trị quyền sử dụng đất.

Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo do bị đơn đã rút. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh P. Chấp nhận kháng cáo của bà L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận thửa đất số 289 là tài sản riêng của anh P và buộc anh P trả công sức đóng góp cho chị H bằng 20% giá trị quyền sử dụng đất. Buộc chị H phải giao lại cho anh P 50% số tiền 180.000.000 đồng tiền gửi ngân hàng của vợ chồng do chị H đã tự rút sau khi nộp đơn ly hôn.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu về án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc thay đổi và rút một phần yêu cầu kháng cáo là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo do bị đơn đã rút tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo văn bản số 01/TA-NHNoVLI ngày 21/11/2024, Ngân hàng N1 chi nhánh huyện V1 xác định ngày 28/9/2022, chị H gửi số tiền 180.000.000 đồng và đã rút tiền vào ngày 22/7/2024. Tại phiên tòa, chị H xác định đã ly thân với anh P trước thời điểm khởi kiện và ngày 22/7/2024 cũng chính là ngày đơn khởi kiện của chị H được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án. Do vậy, việc chị H trình bày đã rút tiền trong thời gian chung sống vợ chồng để sử dụng cho mục đích chung của gia đình nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không đủ cơ sở để được chấp nhận.

Đối với yêu cầu xác định quyền sử dụng đất thửa 289 là quyền tài sản riêng của anh P là không có cơ sở chấp nhận do đã được bà L tặng cho trên thực tế từ năm 2008 sau khi anh P, chị H kết hôn, đã được các bên thừa nhận nên là tài sản trong thời kỳ hôn nhân và không có văn thỏa thuận vợ chồng về việc xác lập tài sản riêng. Tại phiên tòa, phía bà L thừa nhận việc ký hợp đồng tặng cho ngày 09/11/2021 (BL 129) giữa bà L cho anh P cũng vì mục đích để cho anh P, chị L được đoàn tụ nên hợp đồng này chỉ để hợp thức quyền sử dụng đất đã được bà L tặng cho chung cho vợ chồng anh P, chị L trong thời kỳ hôn nhân là phù hợp với ý chí của các bên.

Đối với kháng cáo của bà L về việc không đồng ý chuyển nhượng đất như án sơ thẩm quyết định mà đồng ý căn nhà giao cho anh P tồn tại trên đất để bà L và anh P tự thỏa thuận về quyền sử dụng đất gắn liền căn nhà. Chị H cũng đồng ý với yêu cầu này của bà L nên kháng cáo của bà L và thỏa thuận của đương sự về nội dung này là có cơ sở chấp nhận.

[3] Căn cứ pháp lý và đánh giá chứng cứ như đã nhận định trên là cơ sở để chấp nhận hoặc không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quan điểm của Luật sư và đại diện Viện kiểm sát. Sửa bản án sơ thẩm theo nhận định nêu trên.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản chung vợ chồng được chia như án sơ thẩm đã xác định, anh P và chị H, **mỗi người còn phải chịu thêm án phí đối với số tiền 90.000.000 đồng được chia. Cụ thể chị H phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ và án phí chia tài sản chung: $14.045.000đ + (90.000.000đ \times 5\%) = 18.545.000đ$, tổng cộng 18.845.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.063.000đ theo Biên lai số 009279 ngày 22/7/2024 và 300.000đ theo Biên lai số 009324 ngày 11/9/2024 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4. Chị H còn phải nộp thêm 9.482.000 đồng (Chín triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng).**

Anh Huỳnh Tấn P phải chịu án phí chia tài sản chung: $23.236.000đ + (90.000.000đ \times 5\%) = 27.736.000đ$ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.300.000đ theo Biên lai thu số 009443 ngày 15/10/2024 của Phòng thi hành án khu vực 4. Anh P còn phải nộp thêm 24.436.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng)

Bà L là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu. Hoàn trả lại cho anh P tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc ly hôn; con chung; không chấp nhận yêu cầu chia tài sản đối với thửa 260, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.526,6m²; đình chỉ yêu cầu tài sản chung đất thửa 42, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.351,7m² do đã rút khỏi kiện; nợ chung; chi phí đo đạc, định giá không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo do bị đơn Huỳnh Tấn P đã rút tại phiên tòa về việc yêu cầu định giá lại căn nhà và miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Huỳnh Tấn P. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lữ Thị L. Sửa một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2025/HNGĐ-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh L.

Áp dụng các Điều 33, 43, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H. Chia tài sản chung vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Huỳnh Tấn P cụ thể như sau:

1.1 Giao cho anh Huỳnh Tấn P được quyền quản lý, sử dụng 01 chiếc xe mô tô biển số 64D1-710.83 do anh Huỳnh Tấn P đứng tên chủ sở hữu. Buộc anh Huỳnh Tấn P thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 35.400.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

1.2 Giao cho anh Huỳnh Tấn P được quyền quản lý, sử dụng nhà ở, công trình vật kiến trúc gắn liền phần đất thuộc chiết thửa 261, tờ bản đồ số 6 diện tích 1.246,9m², tọa lạc tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L do bà Lữ Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc anh Huỳnh Tấn P thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 190.242.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc bà Lữ Thị L đồng ý cho anh Huỳnh Tấn P tiếp tục quản lý, sử dụng nhà ở và công trình vật kiến trúc thuộc chiết thửa 261, tờ bản đồ số 6, trong diện tích chung 1.246,9m², tọa lạc tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L. Về quyền sử dụng đất gắn liền căn nhà và công trình, vật kiến trúc trên đất do bà Lữ Thị L và anh Huỳnh Tấn P tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

1.3. Giao cho anh Huỳnh Tấn P quản lý, sử dụng phần đất thửa 289, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.105,3m², loại đất chuyên trồng lúa nước, do anh Huỳnh Tấn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh L. Anh Huỳnh Tấn P được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ cây trồng trên đất.

Buộc anh Huỳnh Tấn P có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 55.265.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V)

1.4. Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Tấn P về việc chia tài sản chung là số tiền gửi tiết kiệm 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Buộc chị Nguyễn Thị Thúy H có nghĩa vụ trả lại cho anh P số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng)

1.5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1.1. Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ và án phí chia tài sản chung 18.845.000đ nhưng được khấu trừ vào

tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.063.000đ theo Biên lai số 009279 ngày 22/7/2024 và 300.000đ theo Biên lai số 009324 ngày 11/9/2024 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4. Chị H còn phải nộp thêm số tiền 9.482.000 đồng (Chín triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2.1.2. Anh Huỳnh Tấn P phải chịu án phí chia tài sản chung: 27.736.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.300.000đ theo Biên lai thu số 009443 ngày 15/10/2024 của Phòng thi hành án khu vực 4. Anh P còn phải nộp thêm số tiền 24.436.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng)

2.1.3. Bà Lữ Thị L là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Huỳnh Tấn P 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002919 ngày 19/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh L.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc ly hôn; con chung; không chấp nhận yêu cầu chia tài sản đối với thửa 260, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.526,6m²; đình chỉ yêu cầu tài sản chung đất thửa 42, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.351,7m² do đã rút khỏi kiện; nợ chung; chi phí đo đạc, định giá không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh L;
- TAND Khu vực 4 -Vĩnh L;
- VKSND Khu vực 4- Vĩnh L;
- THADS tỉnh Vĩnh L;
- Phòng THADS KV4-Vĩnh L;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Triệu Hữu